TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 10 năm 2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Thành

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Minh

2/ Ông Võ Thu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: ông Bùi Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2018/TLST- HNGĐ ngày 22/6/2018 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B; sinh năm 1986; địa chỉ nơi cư trú: số 56 đường D, thị trấn C, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- *Bị đơn:*Anh Trần Đức L; sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: thôn D, xã S, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: chị B và anh L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2012; có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân thị trấn C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148, ngày 26/11/2012.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên kình cãi nhau. Nguyên nhân là do anh L sống thiếu trách nhiệm với gia đình, mọi chi phí trong gia đình do một mình chị B gánh vác. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được tình cảm. Chị B và anh L đã ly thân từ 2015 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: chị B và anh L có một con chung là cháu Trần Nguyễn P, sinh ngày 11/6/2015. Cháu P khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất tinh thần. Sau khi ly hôn chị B yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Chị B yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản khi ly hôn: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo biên bản xác minh ngày 29/6/2018 tại Công an xã S,anh Trần Đức L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã S, huyện Cam Lâm và hiện đang sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Trần Đức L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/9/2018 và 09/10/2018, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về yêu cầu ly hôn: chị B và anh L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2012; có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân thị trấn C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148, ngày 26/11/2012; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị B và anh L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được tình cảm. Chị B và anh L đã ly thân từ 2015 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị B được ly hôn với anh L.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: chị B và anh L có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn P, sinh ngày 11/6/2015. Cháu P hiện đang sống với chị B, cuộc sống đã ổng định nên Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị B yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; đây là mức chi phí hợp lý cho việc nuôi dưỡng con nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị B.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; anh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với anh Trần Đức L.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Nguyễn P, sinh ngày 11/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Đức L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2018 cho đến khi cháu Trần Nguyễn P đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của conkhi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: chị Nguyễn Thị Ngọc B, anh Trần Đức L được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004337 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, chị B đã nộp đủ án phí án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Trần Đức L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quy định: kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc B có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Đức L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND TT C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Thành